

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2024

V/v Ly hôn; xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải
Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn; xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Vũ Lệ H, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Số C đường T, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số C đường N, Tổ dân phố L, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số G C, M, S, Australia; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số C đường N, Tổ dân phố L, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Vũ Lệ H trình bày:

Năm 2012 chị **H** kết hôn với anh **Nguyễn Tuấn H1** trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan đăng ký sinh, tử, giá thú tại **S, Australia**, nhưng chưa ghi chú tại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, nhưng đến năm 2016, quan hệ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống không phù hợp. Anh **H1** không chung thuỷ và đã có con chung với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên chị **H** và anh **H1** đã sống ly thân từ đầu năm 2016. Kể từ khi sống ly thân với anh **H1**, chị **H** có quan hệ tình cảm với anh **Nguyễn Đức H2** và có con chung với anh **H2** là cháu gái **Nguyễn Angelina Thiên A**, sinh ngày 19/02/2017. Tuy nhiên, cháu gái **Nguyễn Angelina T** An sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị **H** với anh **H1** nên khi đăng ký khai sinh cho cháu gái **Nguyễn Angelina Thiên A** tại Cơ quan đăng ký sinh, tử, giá thú tại **S, Australia** thì tên người cha vẫn mang tên anh **Nguyễn Tuấn H1**. Năm 2017, sau khi sinh cháu gái **Nguyễn Angelina Thiên A**, chị **H** đưa con về Việt Nam sinh sống, còn anh **H1** vẫn đang sinh sống tại Úc. Nay nhận thấy tình cảm với anh **H1** không còn; quan hệ vợ chồng chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý nên chị **H** có đơn yêu cầu được ly hôn với anh **H1**. Để thuận lợi cho cuộc sống của chị **H** và anh **H1**, chị **H** cũng đề nghị Toà án xác nhận cháu gái tên là **Nguyễn Angelina Thiên A** do chị **H** sinh ra ngày 19/02/2017 là con của anh **Nguyễn Đức H2**.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống chị **H** và anh **H1** không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại các văn bản ngày 03/10/2023 (đã được **T1** tại **S, Australia** chứng thực) bị đơn - anh **Nguyễn Tuấn H1** trình bày:*

Anh **H1** thống nhất với lời trình bày của chị **H** về quan hệ hôn nhân được xác lập. Quá trình chung sống giữa anh **H1** và chị **H** chỉ hoà thuận thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống không phù hợp. Nay chị **H** có yêu cầu ly hôn với anh **H1**, anh **H1** đồng ý vì thấy rằng hôn nhân giữa anh **H1** và chị **H** không có hạnh phúc và mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh **H1** có đứng tên người cha trên giấy khai sinh đăng ký tại Cơ quan đăng ký sinh, tử, giá thú tại **S, Australia** của cháu gái **Nguyễn Angelina Thiên A**, sinh ngày 19/02/2017. Tuy nhiên, giữa anh **H1** và cháu gái **Nguyễn Angelina Thiên A** không có quan hệ huyết thống. Trong thời gian chung sống, anh **H1** và chị **H** không có con chung. Nay chị **H** có yêu cầu xác nhận cháu gái **Nguyễn Angelina Thiên A**, sinh ngày 19/02/2017 do chị **H** sinh ra là con của anh **Nguyễn Đức H2**, anh **H1** đồng ý.

Về tài sản chung: Anh **H1** xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 21/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh **Nguyễn Đức H2** trình bày:*

Năm 2016, anh H2 quen chị H. Hai bên nảy sinh tình cảm với nhau. Thời điểm này chị H đã kết hôn với anh H1 nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Ngày 19/02/2017 chị H sinh cháu gái Nguyễn Angelina Thiên A là con chung của anh H2 và chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án xác định cháu gái Nguyễn Angelina Thiên A, do chị H sinh ra ngày 19/02/2017 là con của anh H2, anh H2 đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn – chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H1; yêu cầu Tòa án xác định cháu gái Nguyễn Angelina Thiên A do chị H sinh ra ngày 19/02/2017 là con của anh Nguyễn Đức H2.

Bị đơn – anh H1 vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh H1 do ở xa nên không thể có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh H2: Nhất trí với lời trình bày của chị H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xác định cháu cháu gái Nguyễn Angelina Thiên A, do chị H sinh ra ngày 19/02/2017 là con của anh H2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh H1 lấy nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Úc nhưng chưa ghi chú tại Việt Nam. Nay chị H và anh H1 đều đồng ý chấm dứt quan hệ giữa họ, yêu cầu của họ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H1. Về con chung và tài sản chung, chị H và anh H1 xác nhận không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định cháu gái Nguyễn Angelina Thiên A là con đẻ của anh Nguyễn Đức H2 nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xác định cháu gái Nguyễn Angelina Thiên A do chị Lương Vũ Lệ H sinh ra ngày 19/02/2017 là con đẻ của anh Nguyễn Đức H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn; xác định cha cho con quy định tại khoản 1, 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 123; khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tuấn H1 vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Vũ Lệ H và anh Nguyễn Tuấn H1 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan đăng ký sinh, tử, giá thú tại S, Australia, nhưng chưa ghi chú tại Việt Nam nên quan hệ giữa anh H1 và chị H chưa được pháp luật Việt Nam công nhận là quan hệ vợ chồng. Quá trình chung sống giữa anh H1 và chị H chỉ hoà thuận được mấy năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016, thì anh H1 và chị H không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân chính là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau. Năm 2017, chị H có con chung với anh Nguyễn Đức H2, cùng con trở về Việt Nam sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa anh H1 và chị H không có hạnh phúc, nay cả hai bên đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho họ được ly hôn. Xét nguyện vọng của anh H1 và chị H phù hợp tình trạng quan hệ giữa họ. Do việc kết hôn của anh H1 và chị H tại Úc chưa được ghi chú tại Việt Nam nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H1 và chị H theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Anh H1 và chị H xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn:

[3] Chị H, anh H1 và anh H2 đều xác định cháu gái tên là Nguyễn Angelina Thiên A do chị H sinh ra ngày 19/02/2017 là con của anh Nguyễn Đức H2. Tại bản Kết quả xét nghiệm AND số: KQ 20731723 ngày 29/11/2023 của Công ty TNHH D kết luận: “Người có mẫu ghi tên Nguyễn Đức H2 có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên Nguyễn Angelina Thiên A”. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, lời trình bày của anh H1, chị H và anh H2 phù hợp với nhau và phù hợp với kết luận tại Kết quả xét nghiệm AND số: KQ 20731723 ngày 29/11/2023 của Công ty TNHH D nên có căn cứ, cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H đề nghị xác định cháu gái có tên Nguyễn Angelina Thiên A do chị H sinh ra ngày 19/02/2017 là con đẻ của anh Nguyễn Đức H2 - khoản 2 Điều 88, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về án phí sơ thẩm:

[4] Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[5] Anh **Nguyễn Đức H2** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật - khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 88, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lương Vũ Lệ H.**

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Lương Vũ Lệ H** và anh **Nguyễn Tuấn H1.**

1.2. Về con chung, tài sản chung: Anh **Nguyễn Tuấn H1** và chị **Lương Vũ Lệ H** xác nhận không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lương Vũ Lệ H** về việc xác định cha cho con:

Xác định cháu gái tên là **Nguyễn Angelina Thiên A** do chị **Lương Vũ Lệ H** sinh ra ngày 19 tháng 02 năm 2017 là con của anh **Nguyễn Đức H2.**

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Chị **Lương Vũ Lệ H** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000434, ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị **Lương Vũ Lệ H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3.2. Anh **Nguyễn Đức H2** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm xác định cha cho con.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị **Lương Vũ Lệ H** và anh **Nguyễn Đức H2** đều có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Tuấn H1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương